

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **5605**/UBND-KGVX

V/v kinh phí thực hiện
chuyển xếp lương viên chức
giảng dạy trong các cơ sở
giáo dục, phổ thông công lập

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày **08** tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, số 02/2021/TT-BGDĐT, số 03/2021/TT-BGDĐT, số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kinh phí thực hiện chuyển xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, phổ thông công lập theo quy định tại Thông tư nêu trên như sau:

1. Tổng kinh phí chuyển xếp lương viên chức: 64.162 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2023: 13.715 triệu đồng.
- Năm 2024: 50.447 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Kiến nghị:

Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 3 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 thì định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết (ngày 01/9/2021).

Tuy nhiên, Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sau thời điểm nêu trên làm phát sinh kinh phí. Do vậy, để đảm bảo kinh phí thực hiện việc chi trả chuyển xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, phổ thông công lập, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí nêu trên (**64.162** triệu đồng) cho tỉnh Quảng Ngãi hoặc cho phép tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nguồn cải cách tiền lương của tỉnh để thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính sớm quan tâm, xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, NC CBTH;
- Lưu VT, KGVX_{bngoc926}



**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Tuấn

(Kèm theo Công văn số 5605/UBND-KTTH ngày 08/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Họ và tên	Hệ số lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp hiện hưởng										Hệ số lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp được chuyển xếp theo TT 08/2023/TT-BGDDT ngày 14/4/2023										Chênh lệch hệ số sau chuyển xếp		Tổng số tháng hưởng		Nhu cầu kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm	Ghi chú
		Tổng hệ số	HS lương theo ngạch, bậc, CV	Phụ cấp ưu đãi ngành	PC thâm niên VK	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp thu hút (NB/76)	Hệ số bảo lưu	Cấp khoản đóng góp	HS lương theo ngạch, bậc, CV	Phụ cấp ưu đãi ngành	PC thâm niên VK	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp thu hút (NB/76)	Hệ số bảo lưu	Các khoản đóng góp	Mức lương cơ sở 1,49tr	Mức lương cơ sở 1,8tr									
	TỔNG CỘNG	95.278	50.118	18.989	252	6.379	4.357	98	11.056	81.826	59.261	30.495	1.769	7.772	4.223	334	9.391	6.800	804	4.885	64.162						
A	NĂM 2023	43.650	23.483	8.561	111	2.712	2.062	44	4.877	37.460	28.074	14.120	795	3.311	2.014	140	4.888	3.125	416	2.741	13.715						
1	UBND HUYỆN BA TÔ	888	409	260		43	70		106	945	431	277		45	74		113	57	57	387	286						
2	UBND HUYỆN BÌNH SON	7.677	3.766	10	43	779	1.420			1.189	7.950	3.843	2	799	1.475			1.232	280		1.007						
3	UBND HUYỆN ĐỨC PHỐ	3.955	2.261	747	12	326			610	4.138	2.379	781	4	335			639	183			900						
4	UBND HUYỆN LÝ SON	1.840	566	511	5	3	133	44	219	203		1.919	760	533	2	138	47	228	79		419						
5	UBND HUYỆN MỖ ĐỨC	551	264	108	0	37			84	586	277	115	1	38			90	35		338	187						
6	UBND HUYỆN NGHĨA HẠNH	3.255	1.859	615	12	252	17		499	3.445	1.968	651	14	265	18	1	528	189			1.023						
7	UBND HUYỆN SON HÀ	5.178	2.429	1.486	10	396	192		666	5.434	2.558	1.561	3	410	204	1	698	256			1.237						
8	UBND HUYỆN SON TÂY	553	246	172		32	38		65	589	234	183		33	41		69	35		243	182						
9	UBND HUYỆN TRÀ BÔNG	4.424	2.175	1.409	5	331	189		589	4.934	2.286	1.439	5	322	198		590	240		1.773	1.283						
10	UBND THÀNH PHỐ	10.305	6.754	2.271	13				1.267	10.772	7.117	2.337	3			0	1.315	466			5.373						
11	UBND HUYỆN SON TINH	4.893	2.688	939	10	503			752	5.088	2.806	979	3	518			782	196			1.021						
12	UBND HUYỆN MINH LONG	128	65	32		11	3		17	136	69	34		11	3		18	8			60						
13	UBND HUYỆN TƯ NGHĨA	4.501	1.945	834	20	453			691	4.707	1.138	875	1	467		0	724	205			739						
B	NĂM 2024	51.628	26.636	10.428	142	3.666	2.295	54	6.180	44.366	31.187	16.374	974	4.461	2.209	194	4.502	3.675	389	2.144	50.447						
1	UBND HUYỆN BA TÔ	1.395	646	404		69	108		168	1.494	672	433		73	116		180	100			1.173						
2	UBND HUYỆN BÌNH SON	7.716	3.775	10	43	819	1.416			1.199	7.997	3.839	2	840	1.471			1.242	281		6.073						
3	UBND HUYỆN ĐỨC PHỐ	4.419	2.516	839	12	371			658	4.641	2.651	855	5	385			715	222			4.742						
4	UBND HUYỆN LÝ SON	2.422	737	674	8		179	50	289	228		2.524	911	702	5	185	54	301	102		1.766						
5	UBND HUYỆN MỖ ĐỨC	735	329	141	0	58			113	782	370	150	1	61			120	46		840	993						
6	UBND HUYỆN NGHĨA HẠNH	3.255	1.859	615	12	252	17		499	3.445	1.968	651	14	265	18	1	528	189			4.092						

STT	Họ và tên	Hệ số lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp hiện hưởng								Hệ số lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp được chuyển xếp theo TT 08/2023/TT-BGDDĐT ngày 14/4/2023								Chênh lệch hệ số sau chuyển xếp	Tổng số tháng hưởng		Nhu cầu kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm	Ghi chú
		Tổng hệ số	HS lương theo ngạch, CV bậc, CV	Phụ cấp ưu đãi ngành	PC thâm niên VK	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp thu hút (ND76)	Hệ số bảo lưu	Các khoản đóng góp	Tổng hệ số	HS lương theo ngạch, CV bậc, CV	Phụ cấp ưu đãi ngành	PC thâm niên VK	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp thu hút (ND76)	Hệ số bảo lưu	Các khoản đóng góp		Mức lương cơ sở 1,49tr	Mức lương cơ sở 1,8tr		
7	UBND HUYỆN SON HÀ	9.319	4.366	2.649	20	769	304		1.211	9.802	4.608	2.788	8	800	322	2	1.273	483			5.099	
8	UBND HUYỆN SON TÂY	859	393	264	15	44	50	1	92	827	393	272	17	46	52	4	97	56	6	1.304	1.089	
9	UBND HUYỆN TRÀ BÓNG	5.443	2.346	1.513	7	413	203		650	5.102	2.339	1.418	7	362	206		593	255			5.283	
10	UBND THÀNH PHỐ	10.305	6.754	2.271	13				1.590	10.772	7.117	2.337	3			0		466			10.073	
11	UBND HUYỆN SON TINH	5.446	2.768	964	11	850			852	5.736	2.916	1.015	5	902			898	290			5.174	
12	UBND HUYỆN MINH LONG	315	146	84	1	23	18	2	57	339	156	92	1	25	19	2	43	24			457	
13	UBND HUYỆN TƯ NGHĨA	4.501	1.938	834	20	453			691	4.707	1.117	875	1	467		0	724	205			4.432	